

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I TOÁN – LỚP 7

Năm học 2023-2024

T T	Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNK Q	TL	TN KQ	TL	
1	Số hữu tỉ (15 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	6 câu (câu:1,2, 3,4,5,6) 2đ		2 câu (câu:7,8) 0,67 đ						12 câu 5,67đ 56,7%
		Các phép tính với số hữu tỉ			3 câu (câu 1a,b 2a) 2 đ		1câu (câu 2b) 1,0đ				
2	Góc và đường thẳng song song (15 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	5 câu (câu : 9,10, 11,12,13) 1,67đ		1 câu (câu 15) 0,33đ			1 câu (câu 3a) 1,0đ		1 câu (câu 3b) 1,0 đ	8 câu 4 đ 40%
3	Tam giác bằng nhau (4 tiết)	Tổng các góc trong tam giác	1 câu (câu:14) 0,33đ								1 câu 0,33đ 3,3%
Tổng: Số câu Điểm			12 câu 4 điểm		3 câu 1 đ	3 câu 2đ		2 câu 2,0 đ		1 1,0 đ	21 câu 10,0 đ
Tỉ lệ %			40%		30%		20%		10%		100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I TOÁN – LỚP 7

TT	Chương/Chủ đề		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ.	6 câu (câu:1,2,3,4,5,6) 2đ			
		Các phép tính với số hữu tỉ	Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ - Quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. - Hiểu định nghĩa lũy thừa của một số hữu tỉ - Hiểu quy tắc nhân hai phân số		2 câu (câu: 7,8) 0,67 đ 2 câu (câu 1a,b ;2a) 2 đ		
			Vận dụng: -Vận dụng các phép tính về số hữu tỉ để giải bài toán thực tế.			1câu (câu 2b) 1,0đ	
2	Góc và đường thẳng song song	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết: - Nhận biết các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc so le trong, hai góc đối đỉnh, hai góc đồng vị, 2 góc kề bù) - Nhận biết được tia phân giác của một góc. -Tính chất 2 đường thẳng song song	5 câu (câu : 9,10,11,12,13) 1,67đ			
			Thông hiểu: --Tính chất 2 đường thẳng song song - Tính chất của hai góc kề bù		1 câu (câu 15) 0,33đ		
			Vận dụng: -Vận dụng dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song - Vận dụng tính chất hai đường thẳng song song			1 câu (câu 3a)	1 câu (câu 3b)

			- Vận dụng tính chất của hai góc kề bù. - Vận dụng Tính chất tia phân giác của một góc			1,0 đ	1,0 đ
3	Tam giác bằng nhau	Tổng các góc trong một tam giác.	Nhận biết: - Định lý về tổng ba góc trong một tam giác.	1 câu (câu:14) 0,33đ			

(Đề gồm có 02 trang)

PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (5,0 điểm)

Hãy khoanh tròn vào một phương án đúng trong mỗi câu dưới đây:

Câu 1: Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là

- A. $\mathbb{N}$; B. $\mathbb{N}^*$; C. $\mathbb{Q}$; D. $\mathbb{Z}$.

Câu 2: Số đối của $-\frac{2}{3}$ là

- A. $\frac{2}{3}$; B. $\frac{3}{2}$; C. $-\frac{3}{2}$; D. $\frac{2}{-3}$.

Câu 3: Công thức nào sau đây đúng?

- A. $(x^m)^n = x^{m+n}$ B. $(x^m)^n = x^{m.n}$ C. $(x^m)^n = x^{m:n}$ D. $(x^m)^n = x^{m-n}$

Câu 4: Khẳng định nào **sai** trong các khẳng định sau

- A. $\frac{-3}{4} > \frac{-5}{4}$; B. $-\frac{3}{5} < \frac{1}{2}$; C. $-(-3) < 0$; D. $\frac{2022}{2021} > 1$.

Câu 5: Phân số biểu diễn số hữu tỉ $-4\frac{1}{2}$ là

- A. $\frac{9}{2}$; B. $-\frac{9}{2}$; C. $-(-\frac{9}{2})$; D. $-\frac{2}{9}$.

Câu 6: Số nào sau đây **không** là số hữu tỉ?

- A. -7; B. $\frac{-2}{3}$; C. $2\frac{4}{5}$; D. $\frac{5}{0}$.

Câu 7: Kết quả của phép tính $(-8)^3 : 2^3$ là

- A. -64 B. 64 C. -8 D. 8

Câu 8: Cho $x + \frac{1}{2} = -\frac{5}{4}$. Giá trị của x là

- A. $-\frac{3}{4}$ B. $-\frac{7}{4}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{7}{4}$.

Câu 9: Cho $\widehat{xOy}$ và $\widehat{x'Oy'}$ là 2 góc đối đỉnh. Biết $\widehat{xOy} = 30^\circ$, số đo $\widehat{x'Oy'}$ bằng

- A. 60° ; B. 30° ; C. 70° ; D. 150° .

Câu 10: Hai góc kề bù có tổng số đo là

- A. 90° ; B. nhỏ hơn 180° ; C. 150° ; D. 180° .

Câu 11: Tia Oz là tia phân giác của $\widehat{xOy}$ thì

- A. tia Oz nằm giữa 2 tia Ox và Oy B. $\widehat{xOy} = \widehat{xOz} = \frac{\widehat{yOz}}{2}$

C. $\widehat{xOz} = \widehat{yOz}$

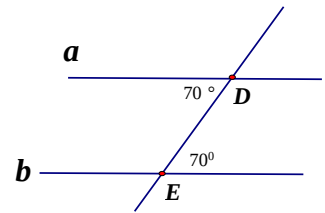
D. $\widehat{zOy} = \widehat{xOz} = \frac{\widehat{yOx}}{2}$

Câu 12: Nếu một đường thẳng cắt 2 đường thẳng song song thì

- A. 2 góc so le trong bù nhau ;
 B. 2 góc so le trong kề nhau ;
 C. 2 góc so le trong bằng nhau ;
 D. 2 góc so le trong kề bù.

Câu 13: Quan sát hình 1. Khẳng định nào sau đây đúng ?

- A. $a \parallel b$;
 B. $a = b$;
 C. $a \equiv b$;
 D. $a \perp b$.



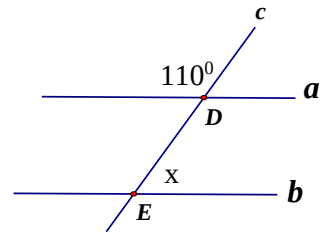
Hình 1

Câu 14: Cho tam giác ABC. Biết $\hat{B} = 40^\circ$, $\hat{C} = 60^\circ$. Khi đó số đo của $\hat{A}$ là

- A. 90°
 B. 80°
 C. 100°
 D. 40°

Câu 15: Trong hình 2, Cho $a \parallel b$. Số đo x của góc E bằng

- A. 110°
 B. 70°
 C. 60°
 D. 35°



Hình 2

PHẦN 2: TỰ LUẬN (5 điểm)

Bài 1.(1,0 điểm) Tính:

a) $(-2)^3$

b) $\frac{9}{13} \cdot (-\frac{4}{5})$

Bài 2.(2,0 điểm)

a) Tìm x, biết: $\frac{1}{2} - x = \frac{3}{2}$

b) Một cái bánh chưng sau khi gói nặng 0,7 kg gồm 0,45 kg gạo nếp; 0,115 kg đậu xanh; 0,05 kg lá chuối, còn lại là thịt. Hỏi khối lượng thịt trong cái bánh chưng đó là bao nhiêu?

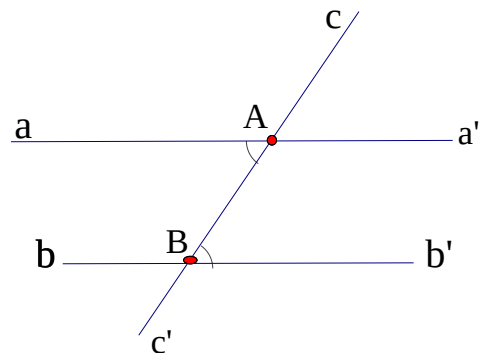
Bài 3.(2,0 điểm) Cho hình vẽ bên

a) Chứng minh $aa' \parallel bb'$.

b) Cho $\hat{ABb'} = 60^\circ$, vẽ tia phân giác Ax của $\hat{aAc}$.

Tính số đo $\hat{xAc}$

(Lưu ý : Học sinh vẽ lại hình vào giấy làm bài)



----- HẾT -----

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn : Toán – Lớp 7

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm) Mỗi phương án chọn đúng ghi 0,33 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đ/án	C	A	B	C	B	D	A	B	B	D	D	C	A	B	B

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Bài 1 (1 điểm)	Lời giải	Điểm
a (0,5)	Ghi đúng kết quả -8	Ghi 0,5
b (0,5)	$= \frac{-36}{65}$	Ghi 0,5
Bài 2 (2 điểm)		
a (1 điểm)	a) $x = \frac{1}{2} - \frac{3}{2} \Leftrightarrow$	Ghi 0,5
	$x = -1$	Ghi 0,5
b (1 điểm)	b) Một cái bánh chưng sau khi gói nặng 0,7 kg gồm 0,45 kg gạo nếp; 0,115 kg đậu xanh; 0,05 kg lá chuối, còn lại là thịt. Hỏi khối lượng thịt trong cái bánh chưng đó là bao nhiêu?	
	Khối lượng thịt trong cái bánh chưng đó là: $0,7 - (0,45 + 0,115 + 0,05)$	Ghi 0,5
	$= 0,085 \text{ (kg)}$	Ghi 0,5
Bài 3 (2 điểm)		
a (1 điểm)	Chỉ ra được: $\widehat{aAB} = \widehat{ABb'}$ (gt)	Ghi 0,5
	Mà hai góc này ở vị trí so le trong Nên a//b (dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song)	Ghi 0,5
b (1 điểm)	Vẽ hình chính xác (ghi 0,25 đ) và tính được: $\widehat{aAB} = 60^\circ, \widehat{aAC} = 120^\circ$	Ghi 0,25 Ghi 0,25
	Lập luận tính được góc xAc = 60 ⁰	Ghi 0,5

--- Hết ---

Người duyệt đề

Người ra đề

Cao Thị Hiền

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
Phân môn Lịch sử							
1	Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI	1. Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu	1*	2	1*		12,5%
		2. Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu		1	1		5%
		3. Phong trào Văn hóa Phục hưng và Cải cách tôn giáo	2*	3 1*	1		15%
2	Trung Quốc và Ấn Độ thời trung đại.	1. Trung Quốc thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX	1*	2	2		2,5%
		2. Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX	2*	1	1		5%
3	Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	1. Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.		2	1		
		2. Vương quốc Lào	1*	1		1*	7,5%
		3. Vương quốc Cam-pu-chia	1*	1	1		2,5%
Tổng			8	1	1	1	
Tỉ lệ			20%	15%	10%	5%	50%
Phân môn Địa lý							
1	Châu Âu	1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu	3* 2				7,5%
		2. Đặc điểm tự nhiên	3*	1* 1			22,5%
		3. Đặc điểm dân cư, xã hội	2*				5%
		4. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên			1*		10%
		5. Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)		1		1*	5%
Tổng			8	1	1	1	
Tỉ lệ			20%	15%	10%	5%	50%
Tỉ lệ chung			40%	30%	20%	10%	100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đor n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Phân môn Lịch sử							
1	Tây Âu từ thế kỉ V đến nửa đầu thế kỉ XVI	1. Quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu. 2. Các cuộc phát kiến địa lí và sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu. 3. Phong trào Văn hóa Phục hưng và Cải cách tôn giáo	Nhận biết - Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng - Nêu được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo Thông hiểu - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu. - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI. - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo - Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu. - Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu Vận dụng - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại. - Nhận xét được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu	1* 1* 1*			
					1		
						1	
							1
						1	
							1
						1*	
						1	
							1*
						1	1

2	Trung Quốc và Ấn Độ thời trung đại.	1. Trung Quốc thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX.	Nhận biết - Nêu được những nét chính về sự thịnh vượng của Trung Quốc dưới thời Đường - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ	1*			
		2. Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX.	- Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul. Thông hiểu - Mô tả được sự phát triển kinh tế thời Minh – Thanh - Giới thiệu được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) - Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX	1 2*			
			Vận dụng - Lập sơ đồ tiến trình phát triển của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (các thời Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh) - Nhận xét được những thành tựu chủ yếu của văn hoá Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX (Nho giáo, sử học, kiến trúc,...) - Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX		1 1 1	1 1 1	

3	Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI	1.Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.	Nhận biết - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia. - Nêu được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor. - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào. - Nêu được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.	1			
		2. Vương quốc Lào.	Thông hiểu - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.	1*			
		3. Vương quốc Campuchia	- Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia. - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.	1	1		
		hia	Vận dụng - Nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI. - Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.		1		
			Vận dụng cao - Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.			1	1*
Số câu/ Loại câu			8	1	1	1	
Tỉ lệ %			20%	15%	10%	5%	
Phân môn Địa lý							
1	Châu Âu	- Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu	Nhận biết - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu. - Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga).	3			
		- Đặc điểm tự nhiên	- Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa.	2*			
		- Đặc điểm dân cư, xã hội	- Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.	3			
		- Phương	Thông hiểu				

		thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên - Khái quát về Liên minh châu Âu (EU)	- Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu: khu vực đồng bằng, khu vực miền núi. - Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu: phân hóa bắc nam; các khu vực ven biển với bên trong lục địa. - Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. Vận dụng - Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu. Vận dụng cao - Chứng minh Liên minh châu Âu là một trong những trung tâm kinh tế lớn của thế giới.	2	1		
				1*			
				1*		1	1
Số câu/ Loại câu				8	1	1	1
Tỉ lệ %				20%	15%	10%	5%

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng nhất, rồi ghi vào giấy làm bài

Câu 1. Vương quốc Lan Xang phát triển thịnh vượng vào khoảng thời gian nào?

- A. Thế kỉ X – XV. B. Thế kỉ XV – XVI.
C. Thế kỉ XV – XVII. D. Thế kỉ XVI – XVIII.

Câu 2. Ngành kinh tế có bước phát triển nhất ở thời Ăng-co là

- A. nông nghiệp. B. công nghiệp.
C. thủ công nghiệp. D. thương nghiệp.

Câu 3. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của M. Xéc-van-tét là

- A. sử thi “I-li-át”. B. tiểu thuyết “Đôn Ki-hô-tê”.
C. tập thơ “Mùa hái quả”. D. tiểu thuyết “Những người khốn khổ”.

Câu 4. Thời Đường, loại hình văn học phát triển nhất là

- A. thơ. B. tiểu thuyết.
C. kịch nói. D. ca múa.

Câu 5. Dưới vương triều Gúp-ta, người Ấn Độ đã biết sử dụng rộng rãi công cụ lao động bằng

- A. thép. B. sắt. C. nhôm. D. đá.

Câu 6. Vương triều hồi giáo Đê-li được lập nên bởi người hồi giáo gốc

- A. Ấn Độ B. Trung Quốc.
C. Mông Cổ. D. Thổ Nhĩ Kỳ.

Câu 7. Năm 476, đế quốc La Mã bị diệt vong đánh dấu

- A. chế độ phong kiến bắt đầu ở Tây Âu.
B. thời kì tư bản chủ nghĩa bắt đầu ở Tây Âu.
C. thời kì đấu tranh của nô lệ chống chế độ chiếm hữu nô lệ bắt đầu ở Tây Âu.
D. chế độ phong kiến từng bước được hình thành ở Tây Âu.

Câu 8. Trong chế độ phong kiến ở châu Âu, tôn giáo nào chi phối toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội?

- A. Phật giáo. B. Đạo giáo.
C. Hồi giáo. D. Thiên chúa giáo.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Trình bày tác động của phong trào cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu?

Câu 2. (1,0 điểm) Em hãy phân tích vai trò của thành thị trung đại?

Câu 3. (0,5 điểm) Dựa vào kiến thức đã học, em hãy đánh giá sự phát triển của vương quốc Lào dưới thời Lan Xang?

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Chọn câu trả lời đúng nhất, rồi ghi vào giấy làm bài

Câu 1. Số dân của châu Âu đứng thứ tư trên thế giới sau

- A. châu Á, châu Phi và châu Đại Dương.
B. châu Á, châu Phi và châu Mỹ.
C. châu Phi, châu Mỹ và châu Đại Dương.
D. châu Á, châu Mỹ và châu Đại Dương.

Câu 2. Châu Âu thuộc lục địa

- A. Phi. B. Á - Âu.
C. Nam Mỹ. D. Bắc Mỹ.

Câu 3. Bán đảo nào nằm ở Bắc Âu?

- A. I-bê-rích.
- B. I-ta-li-a.
- C. Xcan-đi-na-vi.
- D. Ban-căng.

Câu 4. Các khu vực có khí hậu ôn đới lục địa là

- A. ba bán đảo ở khu vực Nam Âu.
- B. các đảo, quần đảo và một dải hẹp dọc theo duyên hải phía bắc châu lục.
- C. rìa phía tây bán đảo Xcan-đi-na-vi và Tây Âu.
- D. trung tâm lục địa và khu vực dãy U-ran.

Câu 5. Khu vực địa hình chiếm diện tích lớn nhất ở châu Âu là

- A. đồng bằng.
- B. núi già.
- C. núi trẻ.
- D. cao nguyên.

Câu 6. Ở châu Âu khu vực nào sau đây thuộc đới lạnh?

- A. Tây Âu.
- B. Đông Âu.
- C. Nam Âu.
- D. Bắc Âu.

Câu 7. Hiện nay, châu Âu có tỉ lệ dân thành thị ở mức

- A. cao.
- B. thấp.
- C. trung bình.
- D. rất thấp.

Câu 8. Châu Âu tiếp giáp với các biển và đại dương nào?

- A. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.
- B. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.
- C. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Địa Trung Hải.
- D. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1. (1,5 điểm) Trình bày đặc điểm địa hình miền núi ở châu Âu.

Câu 2. (1,0 điểm) Trình bày giải pháp bảo vệ môi trường nước ở châu Âu.

Câu 3. (0,5 điểm) Cơ cấu dân số già ảnh hưởng gì đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở châu Âu?

----- **Hết** -----

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐA	C	A	B	A	B	D	D	D

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1 (1,5đ)	- Được đông đảo nhân dân ủng hộ, lan rộng khắp Tây Âu. - Làm bùng lên cuộc Chiến tranh nông dân Đức. - Làm phân hoá Thiên Chúa giáo thành hai giáo phái: Cựu giáo và Tân giáo. - Là cuộc đấu tranh trên lĩnh vực văn hoá - tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến đã suy tàn. - Mở đường cho văn hoá châu Âu phát triển cao hơn.	0,25 0,25 0,5 0,25 0,25
2 (1đ)	- Kinh tế: tạo điều kiện cho nền kinh tế giản đơn phát triển. - Chính trị: góp phần tích cực xóa bỏ chế độ phong kiến phân quyền, xây dựng chế độ phong kiến tập quyền, thống nhất quốc gia, dân tộc. - Xã hội: góp phần sự giải thể của chế độ nông nô. - Văn hóa: thành thị là trung tâm văn hóa, mang lại không khí tự do, cởi mở, tạo tiền đề cho sự hình thành các trường đại học lớn ở châu Âu.	0,25 0,25 0,25 0,25
3 (0,5đ)	- Dưới thời Lang Xang, Lào là một vương quốc thịnh trị, đời sống nhân dân thanh bình, ấm no, sung túc.	0,5

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

I. TRẮC NGHIỆM: (2,0 điểm) Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
ĐA	B	B	C	D	A	D	A	C

II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)

Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
1 (1,5đ)	- Địa hình miền núi bao gồm núi già và núi trẻ. + Địa hình núi già nằm ở phía Bắc và vùng trung tâm châu lục, gồm các dãy: Xcan - Đi- na- vi, U-ran... Phần lớn là các núi có độ cao trung bình hoặc thấp. + Địa hình núi trẻ phân bố chủ yếu ở phía nam, gồm các dãy An-pơ, Các-pát, Ban-căng... Phần lớn các núi có độ cao trung bình dưới 2000m. Dãy An-pơ cao và đồ sộ nhất châu Âu, có nhiều đỉnh trên 4000m.	0,5 0,5 0,5
2 (1,0đ)	- Tăng cường kiểm tra đầu ra nguồn rác thải, hóa chất độc hại từ nông nghiệp. - Đảm bảo xử lý rác thải, nước thải từ sinh hoạt, công nghiệp trước khi thải ra môi trường. - Kiểm soát, xử lý các nguồn gây ô nhiễm từ hoạt động kinh tế biển. - Nâng cao ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường nước, ... (tuỳ vào trả lời của HS mà GV ghi điểm hợp lý.)	0,25 0,25 0,25 0,25
3 (0,5đ)	- Thiếu lao động trong tương lai. - Gây sức ép cho vấn đề y tế, phúc lợi cho người già.	0,25 0,25

----- Hết -----

I. MA TRẬN ĐỀ:

Phân môn	Nội dung chương	Mức độ câu hỏi								Tổng số câu
		Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
		Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	
Sinh học	Bài 1: Giới thiệu về trồng trọt	4		2	1					7
	Bài 2: Làm đất trồng cây	3					1			4
	Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng	4							1	5
	Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	1		1						2
	Số câu	12	0	3	1	0	1	0	1	18
	Số điểm	4	0	1	2	0	2	0	1	10
	Tỉ lệ %	40%		30%		20%		10%		100%

II. BẢNG ĐẶC TẢ:

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	TN		TL	
			STT câu	Số câu	STT Câu	Số câu
Bài 1:	Nhận biết	- Trình bày được vai trò, triển vọng của trồng trọt.	Câu 1,2	4		

Giới thiệu về trồng trọt	Thông hiểu	- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao. - Nhận biết được ngành nghề trong trồng trọt dựa vào nhiệm vụ thực hiện. - Xác định được cây trồng thuộc một số nhóm cây trồng phổ biến. - Hiểu ưu nhược điểm của một số phương thức trồng trọt phổ biến. - Xác định được phương thức trồng trọt thích hợp đối với 1 số cây trồng phổ biến. Hiểu ưu nhược điểm của một số phương thức đó	Câu 4 Câu 5 Câu 3 Câu 6	2	Câu 1	1
Bài 2: Làm đất cây trồng	Nhận biết	- Nhận biết được vai trò thành phần của đất trồng. - Nhận biết được vai trò của bón phân lót. - Nêu được các kỹ thuật làm đất trồng cây	Câu 7 Câu 10 Câu 8	3		
	Vận dụng	Vận dụng kiến thức làm đất và bón phân thúc với thực tiễn sản xuất ở gia đình, địa phương.			Câu 2	1
Bài 3: Gieo trồng, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng	Nhận biết	- Nhận biết được các yêu cầu khi gieo trồng; các công việc khi chăm sóc cây trồng - Nhận biết được các nguyên tắc phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng.	Câu 9, 11 Câu 12, 13	4		
	Vận dụng cao	- Lựa chọn được các biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại cây trồng phù hợp với thực tiễn sản xuất ở gia đình.			Câu 3	1
Bài 4: Thu hoạch sản phẩm trồng trọt	Nhận biết	- Nhận biết được yêu cầu khi thu hoạch sản phẩm trồng trọt, một số phương pháp phổ biến trong thu hoạch.	Câu 14	1		
	Thông hiểu	- Hiểu được mục đích, yêu cầu kỹ thuật khi thu hoạch sản phẩm trồng trọt.	Câu 15	1		

Họ và tên:
Lớp: 7/.....

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
Môn: Công nghệ 7

Điểm:

I. Trắc nghiệm: (5,0 điểm)

Hãy khoanh vào đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau đây:

Câu 1. Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về vai trò của trồng trọt? **(HSKT)**

- (1) Cung cấp lương thực cho con người.
- (2) Cung cấp thịt, trứng, sữa cho con người.
- (3) Cung cấp nguyên liệu cho nhà máy đường.
- (4) Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất sữa đậu nành.
- (5) Cung cấp nguyên liệu cho sản xuất muối ăn.

A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 2. Trong các nội dung sau đây, nội dung nào **không phải** là lợi thế để phát triển trồng trọt ở Việt Nam?

- A. Việt Nam có khí hậu nhiệt đới, diện tích chủ yếu là đồng bằng nên rất thuận lợi cho phát triển trồng trọt.
- B. Việt Nam là một nước có truyền thống nông nghiệp, nhân dân ta cần cù, thông minh và có nhiều kinh nghiệm trong trồng trọt.
- C. Nhà nước ta rất quan tâm và có nhiều chính sách hỗ trợ để phát triển trồng trọt.
- D. Khoa học công nghệ ngày càng phát triển, nhiều loại thiết bị được ứng dụng trong trồng trọt.

Câu 3. Nhóm cây trồng nào sau đây đều là cây lương thực? **(HSKT)**

- A. Cà phê, lúa, mía. B. Su hào, cải bắp, cà chua.
- C. Ngô, khoai lang, khoai tây. D. Bông, cao su, chè.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây **không đúng** về đặc điểm cơ bản của trồng trọt công nghệ cao.

- A. Trồng trọt công nghệ cao là việc ứng dụng những công nghệ mới, tiên tiến vào sản xuất, trồng trọt.
- B. Đất trồng được thay thế hoàn toàn bằng các loại giá thể hoặc dung dịch dinh dưỡng, giúp cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt hơn
- C. Ưu tiên sử dụng các giống cây trồng mới cho năng suất cao, chất lượng tốt và thời gian sinh trưởng ngắn.
- D. Quy trình sản xuất khép kín từ khâu nghiên cứu, ứng dụng sản xuất đến tiêu thụ nông sản. Người lao động có trình độ cao và kỹ năng chuyên nghiệp.

Câu 5. Ý nào sau đây phát biểu đúng về công việc của nghề kỹ sư trồng trọt?

- A. Nghiên cứu và phòng trừ các tác nhân gây hại để bảo vệ cây trồng.
- B. Đưa ra những hướng dẫn kỹ thuật giúp cho người sản xuất tăng năng suất.
- C. Bảo tồn, cải tiến và phát triển các giống cây trồng hiện có.
- D. Giám sát và quản lý toàn bộ quá trình trồng trọt.

Câu 6. Có bao nhiêu nhận định sau đây **không đúng** về một số phương thức trồng trọt phổ biến ở Việt Nam?

- (1) Trồng trọt ngoài tự nhiên đơn giản, dễ thực hiện, có thể thực hiện trên diện tích lớn.
- (2) Trồng trọt trong nhà có mái che được tiến hành ở những nơi có điều kiện tự nhiên không thuận lợi, có thể trồng được loại rau, quả trái vụ.
- (3) Trồng trọt trong nhà có mái che giúp bảo vệ cây trồng tốt hơn nên không cần phải chăm sóc.
- (4) Khi trồng trọt ngoài tự nhiên, cây trồng dễ bị tác động bởi sâu, bệnh hại và các điều kiện bất lợi của thời tiết.
- (5) Trồng trọt ngoài tự nhiên phải đầu tư lớn và kỹ thuật cao hơn so với trồng trọt trong nhà có mái che.

A. 1**B. 2****C. 3****D. 4****Câu 7.** Thành phần rắn của đất trồng có vai trò nào sau đây?

- A.** Cung cấp chất dinh dưỡng cần thiết cho cây trồng. **B.** Cung cấp nước cho cây trồng.
C. Cung cấp khí carbon dioxide cho cây trồng. **D.** Cung cấp khí oxygen cho cây trồng.

Câu 8. Có tác dụng làm nhỏ đất, thu gom cỏ dại trong ruộng, trộn đều phân bón và san phẳng mặt ruộng là những công việc của kỹ thuật làm đất nào? **(HSKT)**

- A.** Cày đất **B.** Bừa/ đập đất **C.** Lên luống **D.** Xới đất

Câu 9. Khi gieo trồng cần phải đảm bảo đúng các yêu cầu nào sau đây?

1. Thời vụ. 2. Phân bón. 3. Mật độ.
 4. Khoảng cách. 5. Thuốc bảo vệ thực vật. 6. Độ nông sâu.

- A.** 1, 2, 3, 4, 5, 6. **B.** 1, 2, 3, 5, 6. **C.** 1, 3, 4, 6. **D.** 1, 3, 5, 6.

Câu 10. Điều nào sau đây SAI khi nói về vai trò của bón phân lót cho cây trồng ?

- A.** Bổ sung nguồn dinh dưỡng cần thiết cho từng giai đoạn sinh trưởng, phát triển của cây trồng.
B. Giúp cây trồng sinh trưởng nhanh có thể ngăn ngừa được sự phát triển của sâu, bệnh hại cây trồng.
C. Giúp cây trồng sinh trưởng nhanh có thể ngăn ngừa được sự phát triển của cỏ dại.
D. Rút ngắn thời gian sinh trưởng, phát triển của cây trồng.

Câu 11. Chăm sóc cây trồng gồm những công việc gì?

1. Tỉa, dặm cây. 2. Làm cỏ, vun xới. 3. Gieo hạt, trồng cây con.
 4. Bón phân thúc. 5. Cày đất, lên luống. 6. Tưới, tiêu nước.

- A.** 1, 2, 3, 4, 5, 6. **B.** 1, 2, 3, 6. **C.** 1, 3, 4, 6. **D.** 1, 2, 4, 6.

Câu 12. Để việc phòng trừ sâu, bệnh hại đạt hiệu quả, cần phải đảm bảo những nguyên tắc nào sau đây?

1. Phòng là chính.
 2. Trừ sớm, kịp thời, nhanh chóng và triệt để.
 3. Ưu tiên sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hoá học vì có hiệu quả nhanh.
 4. Chỉ nên sử dụng các chế phẩm trừ sâu sinh học vì nó an toàn với con người và thân thiện với môi trường.
 5. Sử dụng tổng hợp các biện pháp phòng trừ.

- A.** 1, 4, 5. **B.** 1, 3, 5. **C.** 1, 2, 4. **D.** 1, 2, 5.

Câu 13. Mô tả nào sau đây là của biện pháp phòng trừ sâu, bệnh hại thủ công? **(HSKT)**

- A.** Dùng bẫy đèn, bắt diệt tổ trứng để diệt sâu hại.
B. Vệ sinh đồng ruộng.
C. Sử dụng các sinh vật có lợi (ong mắt đỏ, bọ rùa,...) để tiêu diệt sâu hại.
D. Thay giống cũ bằng giống mới có khả năng kháng sâu, bệnh hại.

Câu 14. Thu hoạch sản phẩm trồng trọt vào thời điểm nào sau đây là đúng nhất? **(HSKT)**

- A.** Thu hoạch càng sớm càng tốt. **B.** Thu hoạch càng muộn càng tốt.
C. Khi con người có nhu cầu sử dụng. **D.** Thu hoạch đúng thời điểm.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây không đúng về thu hoạch sản phẩm trồng trọt?

- A.** Thu hoạch lúa khi còn xanh sẽ làm giảm năng suất và chất lượng gạo.
B. Quả chín nếu không thu hoạch kịp thời quả sẽ bị thối và rụng.
C. Nên thu hoạch các loại rau càng non càng tốt để đảm bảo chất lượng của rau.
D. Tùy điều kiện có thể tiến hành thu hoạch thủ công hoặc thu hoạch cơ giới.

II. Tư luận: (5,0 điểm)

Câu 1(2,0 điểm): Đối với cây trồng ở những nơi có điều kiện tự nhiên không thuận lợi (như giá rét, hạn hán, sương muối...) thì nên áp dụng phương thức trồng trọt nào? Phương thức này có những ưu, nhược điểm nào? **(3,0 điểm)**

Câu 2(2,0 điểm): Em hãy đề xuất quy trình bón phân thúc cho một loại cây trồng em yêu

thích, nêu rõ ý nghĩa (mục đích) của từng bước trong quy trình.
Câu 3(1,0 điểm): Nhà bạn Huy có trồng một số chậu hoa hồng. Sáng nay khi tưới nước cho cây Huy phát hiện đã có một vài ổ trứng của một loài sâu hại trên lá cây. Em hãy gợi ý giúp bạn Huy biện pháp phù hợp để vừa loại bỏ được sâu hại, vừa đảm bảo an toàn cho con người, không gây ô nhiễm môi trường và giải thích vì sao lại lựa chọn biện pháp đó.**(2,0 điểm)**

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
Môn: Công nghệ 7

I. Trắc nghiệm: (5,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	C	A	C	B	D	B	A	B	C	A	D	D	A	D	C

Mỗi câu trả lời đúng được 0,33 điểm

I. Tự luận: (5,0 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1	- Trồng trong nhà có mái che - Ưu điểm: + Cây ít sâu bệnh + Năng suất cao + Chủ động chăm sóc + Sản xuất trái mùa - Nhược điểm: + Đầu tư lớn, + Kỹ thuật cao hơn so với trồng ngoài tự nhiên	0,5 Mỗi ý đúng 0,25 (HSKT: 3,0 điểm)
2	Bước 1. Làm cỏ dại bằng dụng cụ phù hợp Mục đích: để cỏ dại không cạnh tranh phân bón với cây Bước 2. Sử dụng phân hóa học hoặc phân hữu cơ hoai mục để bón cho cây Mục đích: Phân bón hóa học và phân hữu cơ hoai mục cây có thể sử dụng được ngay Bước 3. Vun xới, vùi phân vào đất hoặc gốc cây Mục đích: Tạo độ tơi xốp, thoáng khí cho đất; phân bón không bị rửa trôi. Bước 4. Tưới nước cho cây Mục đích: Để hoàn tan phân bón, tạo điều kiện thuận lợi cho cây hút dinh dưỡng.	0,5 0,5 0,5 0,5
3	• Sử dụng biện pháp thủ công: Bắt sâu, ngắt bỏ lá có ổ trứng - Giải thích: Sâu mới xuất hiện nên sử dụng biện pháp thủ công vừa hiệu quả, vừa đảm bảo an toàn cho con người và không gây ô nhiễm môi trường.	0,5 0,5 (HSKT: 2,0 điểm)

Điện quang, Ngày 25 tháng 10 năm 2023

Giáo viên duyệt đề:
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giáo viên ra đề
Ký và ghi rõ họ tên)

Thiều Minh Hoàng

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I GD CD 7

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
1											
1. Tự hào về truyền thống quê hương		3		1							
2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ		4	1	1							
3. Học tập tự giác, tích cực		5		1	1		1				
Số câu		12		3							
Điểm số		4.0	2.0	1.0	2.0		1.0				
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm		10 điểm

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

TT	Nội dung kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức							
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao	
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
1	Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương	Nhận biết: - Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương - Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Xác định được các hành vi là đúng hay sai, thể hiện hay không thể hiện tự hào về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương Thông hiểu: - Qua thông tin (hình ảnh, ca dao, tục ngữ, danh ngôn, ...) khẳng định được ý nghĩa của truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. - Nêu được ví dụ, việc làm thể hiện tự hào về truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương - Đánh giá được, thái độ, hành vi của bản thân và người khác trong việc giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương mình.	3		1					
2	Bài 2: Quan tâm, cảm thông, chia sẻ	Nhận biết: - Nêu được khái niệm và những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. - Ý nghĩa nhân văn của quan tâm, cảm thông và chia sẻ đối với cuộc sống của cá nhân và xã hội. Thông hiểu: - Qua thông tin (hình ảnh, ca dao, tục ngữ, danh ngôn, ...) thấy	4		1	1				

		được giá trị của quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác - Đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác là đúng hay sai, thể hiện hay không thể hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác - Phân tích được một số tình huống đơn giản trong đời sống thể hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác							
3	Bài 3: Học tập tự giác tích cực	Nhận biết: - Nêu được khái niệm và các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực - Nêu được các hành vi, việc làm cụ thể thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập và cuộc sống hàng ngày. - Xác định được các hành vi là đúng hay sai, thể hiện hay không thể hiện sự tự giác, tích cực Thông hiểu: - Qua thông tin (hình ảnh, ca dao, tục ngữ, danh ngôn, ...) chỉ ra được những việc làm cụ thể thể hiện sự tự giác, tích cực. - Giải thích được vì sao tự giác, tích cực là nguồn gốc đem lại thành công cho mỗi con người. - Đánh giá được sự tự giác tích cực của bản thân và người khác trong học tập, lao động. Vận dụng: - Qua tình huống cụ thể, nêu được các cách giải quyết đúng thể hiện sự tự giác, tích cực bằng những việc làm cụ thể. - Thực hiện được những việc làm thể hiện sự tự giác, tích cực. - Phê phán những biểu hiện trái với tự giác, tích cực.	5		1			1	1
		Tổng	12		3	1		1	1

Lớp: 7/.....

Thời gian: 45 phút)

B. Có phương pháp học tập chủ động.

C. Biết vận dụng điều đã học vào cuộc sống. D. Luôn cố gắng, vượt khó, kiên trì học tập.

Câu 12: Điều **không** phải là biểu hiện của học tập tự giác, tích cực?

A. Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà không cần ai nhắc nhở.

B. Có mục tiêu học tập rõ ràng để đạt kết quả cao nhất.

C. Chủ động lập kế hoạch học tập để đạt được mục tiêu đã lập ra.

D. Hoàn thành những nhiệm vụ học tập dễ, còn những nhiệm vụ khó bỏ qua.

Câu 13: Trong những trường hợp dưới đây, trường hợp nào thể hiện tinh thần học tập tự giác tích cực?

A. H ăn cơm xong, đợi bố mẹ nhắc nhở rồi mới ngồi học và làm bài tập về nhà.

B. T không làm bài tập về nhà và hôm sau đến lớp sớm để chép bài các bạn.

C. Ngoài giờ học trên lớp, N còn lên thư viện đọc tài liệu, tư liệu tham khảo.

D. Bạn A cho rằng chỉ cần học thuộc tốt lý thuyết để làm bài kiểm tra

Câu 14: Việc làm nào dưới đây góp phần quảng bá các giá trị truyền thống của quê hương?

A. Phát triển du lịch văn hóa cộng đồng.

B. Giới thiệu xuyên tạc lễ hội quê hương.

C. Sử dụng lễ hội để chơi cờ bạc.

D. Giới thiệu sai lệch lễ hội quê hương..

Câu 15: Học tập tự giác, tích cực, giúp ta:

A. không ngừng tiến bộ, đạt kết quả cao trong học tập.

B. nhận được nhiều quyền lợi, tiền bạc hơn.

C. có cơ hội đi du lịch nhiều nơi trên thế giới.

D. có cơ hội được gặp gỡ người nổi tiếng.

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 1 (2 điểm): Em hãy kể tên những việc bản thân có thể làm để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với những người thân trong gia đình và bạn bè trong lớp

Câu 2 (2 điểm): Thịnh thoảng, K lại mượn V mấy thứ lặt vặt như: cục tẩy, bút chì... Thấy vậy, C ngạc nhiên hỏi: "Cậu cũng có những thứ đó, sao phải mượn của V làm gì?". K đáp: "Nhà V ở cạnh nhà mình. V rất mặc cảm về hoàn cảnh khó khăn của bản thân, nên tớ làm vậy để bạn ấy có nhờ gì tớ thì cũng sẽ thấy thoải mái hơn".

Em có đồng tình với việc làm của K không? Hãy nhận xét về việc làm của bạn K.

Câu 3 (1 điểm): Mỗi khi sang nhà T chơi, thấy T cặm cụi làm thêm những bài tập nâng cao, mở rộng kiến thức, H liền nói: "Cậu ngốc quá đây có phải là những bài tập thầy cô giao đâu mà phải làm. Chúng mình chỉ cần làm hết các bài trong sách giáo khoa là tốt lắm rồi!".

Em có nhận xét gì về lời nói của H? Nếu là T, em sẽ nói gì với H?

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Trắc nghiệm(mỗi câu 0.33đ)

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đáp án	A	B	C	C	B	C	D	D	D	A	A	D	C	A	A

II. Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
Câu 1 (2,0 điểm)	Đối với: Người trong gia đình Lời nói: Luôn nói lời yêu thương với ông bà, cha mẹ, anh chị em; Nói lời chúc với người thân trong gia đình vào mọi ngày lễ, ngày kỉ niệm, ngày sinh nhật; Luôn hỏi han bố mẹ đi làm có mệt không;... Việc làm: Tặng những món quà nhỏ do bản thân tự tay làm cho ông bà, bố mẹ, anh chị em vào những ngày lễ, ngày kỉ niệm; Giúp đỡ mọi người trong gia đình bằng cách làm việc nhà;... Đối với: Bạn bè Lời nói: Hỏi thăm, động viên bạn bè khi bạn bè bị ốm, gặp phải chuyện buồn; Chia sẻ niềm vui, nỗi buồn cùng với bạn bè;... Việc làm: Khi bạn bè gặp khó khăn trong học tập thì giúp bạn bằng cách kiên nhẫn giảng bài cho bạn; Khi bạn bị ốm thì đến thăm và động viên bạn;...	2,0 điểm
Câu 2 (2,0 điểm)	- Em có đồng tình với việc làm của bạn K - Việc làm của K thể hiện bạn không chỉ quan tâm, cảm thông và chia sẻ với hoàn cảnh khó khăn của bạn bè mà còn rất khéo léo khi thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ đó.	2,0 điểm
Câu 2 (1,0 điểm)	- Không đồng tình với cách học của T vì bạn học lệch, học chỉ vì ganh đua về điểm số với bạn bè. - Khuyến bạn nên học đều tất cả các môn. Việc học lệch, chỉ chú tâm cho một môn sẽ dẫn tới kết quả học tập các môn khác ngày một giảm sút. Học tập và rèn luyện đầy đủ các môn học sẽ giúp em tiến bộ về mọi mặt, cũng như có nền tảng kiến thức, kĩ năng tốt để vận dụng vào cuộc sống một cách toàn diện.	1,0 điểm
Lưu Ý:	Đối với HSKT chỉ làm các câu: 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12 và câu 1 tự luận	

Duyệt của trường

Người ra đề



Lưu Thị Bích Hoàng

MA TRẬN ĐỀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN 7

Phương án kiểm tra: Trắc nghiệm và tự luận

Thời gian kiểm tra: 90 phút

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	4	0	3	1	0	1	0	1	60
2	Viết	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			2.0	1.0	1.5	2.0	0	1.5	0	2.0	100
Tỉ lệ %			30		35%		20%		15%		
Tỉ lệ chung			65%				35%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đ ơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được trạng ngữ, từ láy Thông hiểu: - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được nghĩa của từ Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. Vận dụng cao: Đặt câu có sử dụng từ láy	4 TN	3 TN 1 TL	1 TL	1 TL
2	Viết	Viết văn bản phân tích đặc điểm	Nhận biết: Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn nghị luận Thông hiểu: Viết đúng về kiểu bài, về nội dung, hình thức Vận dụng: Viết được bài văn nghị	1TL*	1TL*	1TL*	1TL*

	nhân vật trong một tác phẩm văn học	luận về một vấn đề đời sống (được gọi ra từ tác phẩm văn học) Bố cục rõ ràng, mạch lạc, ngôn ngữ trong sáng, làm sáng tỏ nhân vật phân tích. Vận dụng cao: Viết được bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Bài viết có đủ những thông tin về tác giả, tác phẩm, vị trí của nhân vật trong tác phẩm; phân tích được các đặc điểm của nhân vật dựa trên những chi tiết về lời kể, ngôn ngữ, hành động của nhân vật.				
Tổng			4 TN	3TN	1 TN	1 TN
Tỉ lệ %			30	35	20	15
Tỉ lệ chung			65	35		

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc kĩ đoạn trích sau :

SỢI DÂY THUN

Mẹ tôi có thói quen cất giữ những sợi dây thun khi mua bịch nước mía, bịch chè mỗi lúc đi chợ về. Tôi ngạc nhiên lắm cứ thắc mắc tại sao mẹ lại không vứt nó đi. Một sợi dây thun thì làm được gì. Mẹ tôi còn dặn có sợi dây thun nào thì đưa cho mẹ cất. Đôi khi, tôi lại quên lời mẹ, vứt sợi dây thun vào đồng rác trước nhà. Thấy vậy mẹ nhặt lại và cất vào một chỗ.

- Con không nên phí phạm vậy, con không dùng lúc này nhưng có thể vài bữa nữa con cần tới.

Lúc đó tôi cũng chỉ ậm ừ cho xong chuyện. Rồi một hôm khi những đứa con gái trong xóm tôi được ba mẹ mua cho những sợi dây để chơi nhảy dây, tôi cũng xin tiền mẹ mua. Thật bất ngờ mẹ tôi lấy một bịch dây thun mà tôi biết đó là những sợi dây mà mẹ đã cất giữ trong những năm qua. Tôi có một chùm dây thun dài lòng thông để chơi nhảy dây, khi đó tôi mới biết ý nghĩa của việc tiết kiệm từng vật nhỏ nhất.

Hôm qua, mẹ vào thăm con gái, dây buộc tóc của mẹ đột ngột đứt, tôi đưa ngay cho mẹ một sợi dây thun mà tôi đã cất giữ. Mẹ nhìn tôi mỉm cười. Có những việc đơn giản nhưng đó là sợi dây tình cảm của con người.

(Nguồn - Hiền Phạm <http://quehuongonline.vn>)

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 7. (mỗi câu 0.5 điểm)

Câu 1. Chủ đề chính của văn bản trên là:

- | | |
|-----------------------------|--|
| A. Lợi ích của tiết kiệm. | B. Ý nghĩa của đức tính chăm chỉ. |
| C. Ý nghĩa của tình mẫu tử. | D. Ý nghĩa của những kỉ niệm tuổi thơ. |

Câu 2. Văn bản trên sử dụng ngôi kể:

- | | |
|--------------|----------------------|
| A. Thứ ba. | B. Thứ hai. |
| C. Thứ nhất. | D. Không có ngôi kể. |

Câu 3. Chỉ ra trạng ngữ trong câu văn sau: “Thật bất ngờ mẹ tôi lấy một bịch dây thun mà tôi biết đó là những sợi dây mà mẹ đã cất giữ trong những năm qua.”:

- | | |
|-------------------|-------------------------|
| A. Thật bất ngờ. | B. Một bịch dây thun. |
| C. Những sợi dây. | D. Trong những năm qua. |

Câu 4. Tính cách của nhân vật mẹ được bộc lộ qua đâu?

- | | |
|---------------------------|-------------------------|
| A. Hành động, ngoại hình. | B. Hành động, ngôn ngữ. |
|---------------------------|-------------------------|

C. Ngoại hình, suy nghĩ.

D. Hành động, cảm xúc.

Câu 5. Thái độ của nhân vật tôi khi trông thấy mẹ cất những sợi dây thun khi mua bịch nước mía, bịch chè:

A. ậm ừ cho xong chuyện.

B. không quan tâm.

C. ngạc nhiên lắm cứ thắc mắc tại sao mẹ lại không vứt nó đi.

D. biết ý nghĩa của việc tiết kiệm từ những đồ nhỏ nhất.

Câu 6. Từ gạch chân trong câu “Mẹ tôi có thói quen cất giữ những sợi dây thun khi mua bịch nước mía, bịch chè mỗi lúc đi chợ về.” nghĩa là:

A. Đám mạnh vào người.

A. Tiếng của vật nặng rơi mạnh xuống nền đất hoặc va chạm với vật mềm.

B. Túi, bao có chứa đồ ở trong.

C. Đồ đựng bằng tre nứa, to hơn bồ, thường có hình trụ không đáy.

Câu 7. Đâu là từ láy trong câu văn “Tôi có một chùm dây thun dài lòng thòng để chơi nhảy dây, khi đó tôi mới biết ý nghĩa của việc tiết kiệm từng vật nhỏ nhất.”?

A. Tiết kiệm.

B. Nhỏ nhất.

C. Lòng thòng.

D. Nhảy dây.

Câu 8. (0.5 điểm) Đặt câu có sử dụng biện pháp tu từ so sánh

Câu 9 (1.0 điểm). Em có đồng tình với lời khuyên của người mẹ “Con không nên phí phạm vậy, con không dùng lúc này nhưng có thể vài bữa nữa con cần tới.” Vì sao?

Câu 10 (1.0 điểm). Từ câu chuyện trên, em rút ra những bài học gì cho mình trong cuộc sống? Hãy ghi lại bài học đó bằng 3-5 câu văn.

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Trẻ em với việc sử dụng điện thoại thông minh hiện nay.

HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG							ĐIỂM														
ĐỌC – HIỂU		<table><tr><td>Câu 1</td><td>Câu 2</td><td>Câu 3</td><td>Câu 4</td><td>Câu 5</td><td>Câu 6</td><td>Câu 7</td></tr><tr><td>A</td><td>A</td><td>D</td><td>B</td><td>C</td><td>C</td><td>C</td></tr></table> Mỗi câu 0.5 điểm							Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	A	A	D	B	C	C	C	3.5
	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7																
	A	A	D	B	C	C	C																
	Câu 8	Đặt câu có sử dụng biện pháp tu từ so sánh							0.5														
	Câu 9	Đồng tình với ý kiến trên. Vì: Chúng ta nên tiết kiệm, không nên phung phí vì có những thứ nếu chúng ta biết cất giữ, tiết kiệm thì sau này những thứ đó sẽ giúp ích cho chúng ta khi cần. Khi chúng ta biết tích góp những cái cần thiết kể cả là những thứ nhỏ nhất, và từ đó “tích gió thành bão” chúng ta sẽ làm nên điều vĩ đại							1.0														
Câu 10	HS ghi lại được ít nhất 2 bài học phù hợp, diễn đạt rõ ràng như: Mức 1 - Tình mẫu tử là thiêng liêng mà mỗi người cần phải trân trọng. - Tâm quan trọng của việc tiết kiệm trong cuộc sống Mức 2 HS nêu được 1 trong 2 ý nêu trên Mức 3 HS nêu không tròn 1 ý đã nêu trên Mức 4 HS không trả lời hoặc trả lời không liên quan đến nội dung câu hỏi							1.0 0.5 0.25 0.25															
LÀM VĂN		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận							0,25														
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề.							0,25														
		Trẻ em về việc sử dụng điện thoại hiện nay																					
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm							3.0														
		HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:																					
		Mở bài Nhu cầu sử dụng điện thoại hiện nay nói chung học sinh nói riêng. Sự lạm dụng điện thoại của HS hiện nay Thân bài 1. Thực trạng - Sử dụng chưa đúng cách, lạm dụng điện thoại, - Tò mò, khai thác những nguồn thông tin không lành mạnh về cách hành vi bạo lực, các web đen, các loại văn hóa phẩm đồi trụy, phát tán cho nhau, tham gia hành vi bạo lực mạng, bình luận mà không nắm rõ nguồn thông tin gây nhiều hậu quả.																					

	2. Nguyên nhân - Xã hội phát triển, nhu cầu liên lạc tăng cao, phụ huynh bận rộn với công việc khó có thể theo sát con mình, nên việc mua sắm điện thoại cho con là để quản lý và liên lạc cho thuận tiện. - Điện thoại có nhiều chức năng không cần thiết, cha mẹ không quan tâm giám sát. 3. Hậu quả - Sao nhãng việc học hành, - Vấn đề về sức khỏe, như các tật ở mắt - Gây trầm cảm, mất tập trung, giảm khả năng suy nghĩ sáng tạo, con người trở nên yếu ớt, nhạy cảm với những tác động bên ngoài. - Thông tin không chọn lọc, ở đó có cả những thông tin xấu => Gia tăng tình trạng phạm tội ở lứa tuổi học sinh, bạo lực học đường, những hành động vượt khỏi chuẩn mực đạo đức, cãi lời cha mẹ thầy cô, ,... - Ngoài ra còn có tình trạng học đòi trên mạng, yêu sớm, tình dục không an toàn, để lại những hậu quả khó có thể khắc phục, để lại bóng đen tâm lý nghiêm trọng. 4. Biện pháp - Thay đổi nhận thức của học sinh, sử dụng điện thoại một cách đúng đắn lành mạnh. - Cha mẹ cần quan tâm gần gũi các em nhiều hơn, quản lý nhưng không có nghĩa là xâm phạm vào sự riêng tư. - Đối với nhà trường, cần có những biện pháp không cho học sinh sử dụng điện thoại trong giờ học, thường xuyên tuyên truyền giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh đến các em. - Học sinh cần có ý thức tự giác trong học tập, sử dụng điện thoại với mục đích đúng đắn. Luôn cố gắng rèn luyện và tu dưỡng đạo đức, chăm giao tiếp xúc với thầy cô bạn bè, quan tâm đến gia đình cha mẹ, dành thời gian đọc sách để nuôi dưỡng tâm hồn. Kết bài Hãy sử dụng điện thoại thông minh một cách thật thông minh và thông thái, chúng ta điều khiển điện thoại chứ đừng để điện thoại điều khiển mình..	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Có những liên hệ hợp lý; bài viết lôi cuốn, hấp dẫn.	0.25

Người duyệt

Người ra đề

Đỗ Dũng

Đoàn Thị Loan

I. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Viết trên giấy.
- Thời gian kiểm tra: 45 phút.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt
1	Chủ đề 1: Quảng Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	- Trình bày được quá trình hình thành danh xưng Quảng Nam. - Nêu được những nét nổi bật về đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá của dân cư Quảng Nam trong giai đoạn từ TK X đến TK XVI. - Biết được một số câu ca dao tục ngữ nói về đức tính tốt đẹp của người Quảng Nam.

III. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ

Nội dung	Tiêu chí đánh giá
Chủ đề 1: Quảng Nam từ thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVI	Các nội dung đánh giá - Quá trình hình thành danh xưng Quảng Nam. - Những nét nổi bật về đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá của dân cư Quảng Nam trong giai đoạn từ TK X đến TK XVI. - Một số câu ca dao tục ngữ nói về đức tính tốt đẹp của người Quảng Nam. 1. Mức Đạt - Học sinh trả lời đúng (chính xác, rõ ràng) cả 3 nội dung. - Học sinh trả lời đúng (chính xác, rõ ràng) 2 trong 3 nội dung. - Học sinh trả lời đúng (chính xác, rõ ràng) 50% kiến thức trở lên của cả 3 nội dung. 2. Mức chưa đạt - Học sinh trả lời chưa đúng (chưa chính xác, rõ ràng) nội dung nào. - Học sinh trả lời đúng 1 trong 3 nội dung. - Học sinh trả lời chưa đúng (chưa chính xác, rõ ràng) đến 50% của cả 3 nội dung. - Nội dung trả lời sơ sài, nội dung không liên quan.

----- Hết -----

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 01 trang)

Câu 1. Nêu những nét chính trong quá trình hình thành danh xưng Quảng Nam.

Câu 2. Nêu những nét nổi bật về đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá của dân cư Quảng Nam trong giai đoạn từ TK X đến TK XVI. Cho biết một số câu ca dao tục ngữ nói về đức tính tốt đẹp của người Quảng Nam?

----- **Hết** -----

Câu	Đáp án
1	* Những nét chính trong quá trình hình thành danh xưng Quảng Nam. - Năm 1471, vua Lê Thánh Tông chính thức đặt tên đạo thừa tuyên Quảng Nam. - Lê Tân Trung là người quản lý vùng đất mới này và ông được xem là một trong các bậc tiền hiền của xứ Quảng.
2	* Những nét nổi bật về đời sống kinh tế, xã hội và văn hoá của dân cư Quảng Nam trong giai đoạn từ TK X đến TK XVI. - Kinh tế: + Nông nghiệp là hoạt động kinh tế chính. + Thủ công nghiệp: ngày càng phát triển với nhiều nghề khác nhau (rèn sắt, mộc, đúc đồng...) + Thương nghiệp: trao đổi buôn bán diễn ra tập nập ở các bến sông lớn. - Xã hội: + Gồm nhiều thành phần và có nguồn gốc xã hội khác nhau. + Tính cách con người Quảng Nam: cần cù, yêu nước, thật thà, chất phác... - Văn hoá: + Tín ngưỡng: Thờ cúng tổ tiên, tục cúng tá thổ. + Văn học dân gian phát triển phong phú đa dạng. + Nghệ thuật: hát bài chòi, hò khoan, tuồng... lễ hội cầu ngư, lễ hội Bà Thu Bồn... * Một số câu ca dao tục ngữ nói về đức tính tốt đẹp của người Quảng Nam? <i>(HS nêu được từ 3 câu trở lên đảm bảo yêu cầu)</i> 1. Tay nâng đĩa muối sàng rau Đặt lên quây mẹ ruột đau chín chiều. 2. Ngó lên Hòn Kẽm Đá Dừng Thương cha, nhớ mẹ quá chừng bậu ơi. 3. Không tham bị lúa anh đầy Tham ba hàng chữ làm thầy thế gian.

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I(2023-2024)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu	
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao			
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn KHTN		3								3
2. Nguyên tử		1	1/2	1	1/2				1	2
3. Tốc độ chuyển động		1		1						2
4. Đo tốc độ		1								1
5. Đồ thị quãng đường và thời gian		1		1			1		1	2
6. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông						2				2
7. Sóng âm	1/2	1	1/2						1	1
8. Độ to và độ cao của âm		2								2
9. Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng		1				1				2
10. Quang hợp	1/3		1/3		1/3				1	0
11. Các yếu tố ảnh		1		2						3

<i>hướng đến quang hợp</i>										
Số câu	1/3+1/2	12	1+1/3	5	1/2+1/3	3	1	0	5	20
Điểm số	1,0	3,0	1,75	1,25	1,25	0,75	1,0	0	5	5
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm	

MÔN: KHTN 7

1. Khung ma trận và đặc tả:

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra giữa kì I*
- Thời gian làm bài: *90 phút.*
- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 50% trắc nghiệm, 50% tự luận).*
- Cấu trúc:
- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng thấp; 10% Vận dụng cao.*
- Phần trắc nghiệm: *5,0 điểm (gồm 20 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 5 câu, vận dụng thấp: 3 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*
- Phần tự luận: *5,0 điểm gồm 5 câu (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 1,75 điểm; Vận dụng thấp: 1,25 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

b) Bản đặc tả

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
				TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1	Phương	1. Phương	Nhận biết				

	pháp và kĩ năng học tập môn KHTN	pháp và kĩ năng học tập môn KHTN	- Một số phương pháp và kĩ năng trong học tập môn Khoa học tự nhiên. - Cách sử dụng một số dụng cụ đo trong môn Khoa học tự nhiên 7.		2		C2, C3
					1		C5
2	Nguyên tử - Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	2. Nguyên tử	Nhận biết - Thành phần cấu tạo nguyên tử		1		C1
			Thông hiểu - Cấu tạo nguyên tử; khối lượng của các nguyên tử; điện tích của các thành phần cấu tạo nên nguyên tử.	1/2	1	C1b	
			Vận dụng thấp - Từ số lượng các thành phần cấu tạo nên nguyên tử mô tả cấu tạo nguyên tử theo mô hình.	1/2		C1a	
3	Tốc độ	1. Tốc độ chuyển động	Nhận biết - Một số đơn vị đo tốc độ thường dùng.		1		C6
			Thông hiểu - Các công thức: $v = S/t \Rightarrow S = v.t \Rightarrow t = S/v$.		1		C7
		2. Đo tốc độ	Nhận biết - Dụng cụ đo tốc độ		1		C8
		3. Đồ thị quãng đường – thời gian	Nhận biết - Dạng đồ thị của chuyển động có tốc độ không đổi		1		C9
			Thông hiểu - Xác định đồ thị quãng đường – thời gian của chuyển động		1		
		4. Thảo luận về ảnh hưởng của tốc độ trong an toàn giao thông	Vận dụng cao - Vẽ được đồ thị quãng đường – thời gian cho chuyển động thẳng.	1		C2	C10
			Vận dụng thấp - Dựa vào tranh ảnh xác định tốc độ tối đa khi tham gia giao thông trên đường cao tốc. - Xác định khoảng cách an toàn khi tham gia giao thông.		1		C11
					1		C12
			Nhận biết		1		C13

4	Âm thanh	1. Sóng âm	- Nêu được khái niệm sóng âm. - Môi trường truyền âm	1/2		C3a	
			Thông hiểu - Giải thích được sự truyền sóng âm trong không khí.	1/2		C3b	
		2. Độ to và độ cao của âm	Nhận biết - Đơn vị của tần số là hertz (kí hiệu là Hz). - Sự liên quan độ to của âm với biên độ dao động nguồn âm.		1 1		C14 C15
5	Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật	1. Khái quát về trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng	Nhận biết – Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.		1		C16
			Vận dụng thấp – Vận dụng giải thích một số hiện tượng thực tế về vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể		1		C17
		2. Quang hợp ở thực vật	Nhận biết - Phát biểu được khái niệm quang hợp	1/3		C4	
			Thông hiểu - Từ khái niệm viết được sơ đồ quang hợp.	1/3		C4	
			Vận dụng thấp - Vận dụng vai trò của quang hợp vào giải thích các hiện tượng thực tế cuộc sống.	1/3		C4	
		3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp	Nhận biết - Nhận biết một số yếu tố ảnh hưởng đến quang hợp		1		C18
			Thông hiểu - Hiểu được các yếu tố môi trường ảnh hưởng như thế nào đến quang hợp.		2		C19 C20

2. Đề kiểm tra

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

A. Trắc nghiệm: (5,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng nhất cho các câu sau:

Câu 1. Thành phần cấu tạo của hầu hết các nguyên tử là:

A. Proton và electron

B. Neutron và electron

C. Proton và neutron

D. Proton, neutron và electron

Câu 2. Cho các bước sau:

(1) Đưa ra dự đoán khoa học để giải quyết vấn đề

(2) Rút ra kết luận

(3) Lập kế hoạch kiểm tra dự đoán

(4) Đề xuất vấn đề cần tìm hiểu

(5) Thực hiện kế hoạch kiểm tra dự đoán

Thứ tự sắp xếp đúng các bước của phương pháp tìm hiểu tự nhiên là?

A. (1) - (2) - (3) - (4) - (5).

B. (5) - (4) - (3) - (2) - (1).

C. (4) - (1) - (3) - (5) - (2).

D. (3) - (1) - (4) - (5) - (2).

Câu 3. Con người có thể định lượng được các sự vật và hiện tượng tự nhiên dựa trên kĩ năng nào?

A. Kĩ năng quan sát, phân loại.

B. Kĩ năng liên kết tri thức.

C. Kĩ năng dự báo.

D. Kĩ năng đo.

Câu 4. Một nguyên tử có số proton bằng 8, số electron của nguyên tử đó là

A. 4.

B. 6.

C. 8.

D. 16.

Câu 5. Để đo chính xác độ dày của một quyển sách KHTN 7, người ta dùng

A. cân đồng hồ.

B. thước đo độ chia nhỏ nhất là 1mm.

C. nhiệt kế thủy ngân.

D. ước lượng bằng mắt thường.

Câu 6. Đơn vị thường dùng của tốc độ là:

A. m.h

B. km/h

C. m.s

D. s/km

Câu 7. Trong các công thức biểu diễn mối quan hệ giữa s, v, t sau đây công thức nào đúng?

A. $t = s/v$

B. $t = v/s$

C. $s = v/t$

D. $s = t/v$

Câu 8. Các phương tiện tham gia giao thông như ô tô, xe máy,... dùng dụng cụ nào để đo tốc độ?

A. Thước

B. Nhiệt kế

C. Tốc kế

D. Đồng hồ

Câu 9. Đồ thị của chuyển động có tốc độ không đổi là một đường

A. cong

B. thẳng

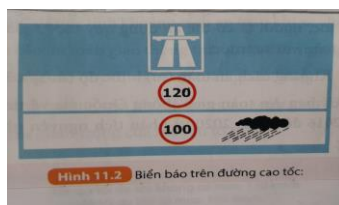
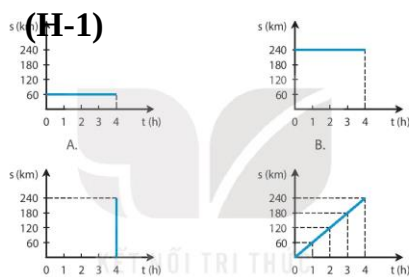
C. zíc zắc

D. không xác định

Câu 10. Bảng dưới đây mô tả chuyển động của một ô tô trong 4 h.

Thời gian (h)	0	1	2	3	4
Quãng đường (km)	0	60	120	180	240

Hình vẽ (H-1) nào sau biểu diễn đúng đồ thị quãng đường – thời gian của chuyển động trên?



Câu 11. Qua biển báo trên đường cao tốc(H-11.2) cho biết tốc độ tối đa tham gia giao thông khi có mưa là

A. 120 km/h

B. 100km/h hoặc 120 km/h

C. 100 km/h

D. từ 100km/h tăng dần lên 120km/h.

Câu 12. Khi tham gia giao thông trên đường cao tốc, xe có tốc độ 80 km/h thì phải giữ khoảng cách an toàn giữa các xe, khoảng chừng

- A. 67 m B. 80 m C. 87 m D. 90 m

Câu 13. Sóng âm là

- A. các dao động từ nguồn âm lan truyền trong môi trường.
B. các vật dao động phát ra âm thanh.
C. chuyển động của các vật phát ra âm thanh. D. sự chuyển động của âm thanh.

Câu 14. Trong các đơn vị sau đây đơn vị nào là đơn vị tần số dao động?

- A. m/s. B. Hz. C. mm. D. kg.

Câu 15. Âm phát ra càng to khi

- A. tần số dao động càng lớn. B. số dao động thực hiện được càng nhiều.
C. biên độ dao động càng lớn. D. tần số dao động càng nhỏ.

Câu 16. Trao đổi chất là?

- A. Lấy khí Oxygen và thải khí Cacbon dioxide.
B. B. Hút nước và thải ra hơi nước.
C. Lấy các chất cần thiết và thải các chất không cần thiết.
D. Lấy muối khoáng và tổng hợp Glucose.

Câu 17. Sau khi chạy bền xong ta cảm thấy cơ thể thường nóng lên, toát mồ hôi nhiều, nhịp thở tăng, nhanh khát và nhanh đói ... là do:

- A. Trời nắng nóng. B. Không uống đủ nước. C. Chạy quá lâu. D. Trao đổi chất mạnh

Câu 18. Các yếu tố chủ yếu ngoài môi trường ảnh hưởng đến quang hợp là

- A. Nước, hàm lượng khí carbon dioxide, ánh sáng, nhiệt độ.
B. Nước, hàm lượng khí carbon dioxide, hàm lượng khí oxygen
C. Nước, hàm lượng khí oxygen, ánh sáng.
D. Nước, hàm lượng khí oxygen, nhiệt độ.

Câu 19. Cây ưa sáng là cây:

- A. Có nhu cầu ánh sáng thấp
B. Có khả năng quang hợp trong điều kiện ánh sáng yếu.
C. Có nhu cầu ánh sáng cao D. Mọc dưới tán cây khác.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây **không đúng**?

- A. Không có quang hợp thì không có sự sống trên trái đất.
B. Cường độ quang hợp tỉ lệ nghịch với cường độ ánh sáng.
C. Cây ưa bóng là cây có nhu cầu ánh sáng thấp.
D. Vào những ngày nắng nóng người làm vườn thường che nắng cho cây.

B. Tư luận: (5,0 điểm)

Câu 1. (1,25 điểm)

Hạt nhân một nguyên tử fluorine có 9 proton và 10 neutron.

- a) Theo mô hình nguyên tử của Rơ-dơ-pho – Bo, nguyên tử fluorine có bao nhiêu lớp electron? Cho biết số electron ở mỗi lớp của nguyên tử fluorine.
b) Hãy tính khối lượng lượng của nguyên tử fluorine theo đơn vị amu.

Câu 2. (1,0 điểm)

Một học sinh đi xe đạp từ nhà đến trường với quãng đường 2 km trong thời gian 0,5h. Hãy vẽ đồ thị quãng đường – thời gian của người đi xe đạp trên quãng đường đó.

Câu 3. (1,5 điểm)

Khi dây đàn ghi ta phát ra âm (Âm nhạc).

- a/ Âm truyền đến tai chúng ta nhờ môi trường nào?
b/ Giải thích âm từ dây đàn truyền đến tai ta như thế nào?

Câu 4. (1,25 điểm)

Quang hợp là gì? Viết phương trình quang hợp. Tại sao nói “mọi sự sống trên trái đất này đều phải trải qua chiếc lá”?

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2023 – 2024
Môn: KHTN 7

A. Trắc nghiệm: 5,0 điểm

Mỗi kết quả đúng: 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	D	C	D	C	B	B	A	C	B	D	C	A	A	B	C	C	D	A	C	B

** Đối với HSKT làm các câu sau: 1, 3, 5, 6, 8, 9, 11, 14, 16, 18 (mỗi kết quả đúng 0,5 điểm)*

B. Tự luận: 5,0 điểm

Câu	Ý	Nội dung	Biểu điểm						
1	a	- Số hạt electron của nguyên tử fluorine là 9 - Nguyên tử fluorine có 2 lớp electron - Lớp thứ nhất (gần hạt nhân nhất) chứa 2 electron, lớp thứ hai chứa 7 electron	0,25đ 0,25đ 0,25đ (HSKT: 1,5 điểm)						
	b	Vì khối lượng của một nguyên tử xấp xỉ bằng khối lượng của hạt nhân nên khối lượng của nguyên tử fluorine là: $9.1+ 10.1= 19$ (amu)	0,5đ						
2		<table><tr><td>Quãng đường (km)</td><td>0</td><td>2</td></tr><tr><td>Thời gian (h)</td><td>0</td><td>1/2</td></tr></table>	Quãng đường (km)	0	2	Thời gian (h)	0	1/2	0,5đ
	Quãng đường (km)	0	2						
Thời gian (h)	0	1/2							
		- Vẽ đúng đồ thị được - Môi trường không khí.	0,5đ 0,5đ (HSKT: 2,0 điểm)						
3		- Khi dây đàn (nguồn âm) dao động làm cho lớp không khí tiếp xúc với nó dao động theo. Lớp không khí dao động này lại làm cho lớp không khí kế tiếp nó dao động,... Cứ thế, các dao động của nguồn âm được không khí truyền tới tai ta, làm cho màng nhĩ dao động khiến ta cảm nhận được âm phát ra từ nguồn âm.	1,0đ (HSKT: 0,5 điểm)						
4		- Nêu được khái niệm quang hợp.	0,5đ						
		- Viết được sơ đồ quang hợp. - Nói được 2 vai trò chính của quang hợp đối với mọi sinh vật trên trái đất (cung cấp Oxygen và chất hữu cơ)	((HSKT: 1,0 điểm) 0,25đ 0,5đ (mỗi vai trò đúng 0,25đ)						

- Hiệu trưởng ký duyệt. (ký, đóng dấu);	- Người duyệt đề (ký, ghi rõ họ tên);	- Người ra đề (ký, ghi rõ họ tên); Thiều Minh Hoàng Lê Thị Hồng Đẹp Nguyễn Thị Nguyệt Hằng
---	---	--

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 01 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5,0 điểm) Chọn ý đúng nhất

Câu 1. Thiết bị nào sau đây không phải thiết bị vào?

- A. Bàn phím. B. Chuột. C. Micro. D. Máy in.

Câu 2. Mục đích của mạng xã hội là gì? NB4

- A. Chia sẻ, học tập. B. Chia sẻ, học tập, tương tác.
C. Chia sẻ, học tập, tiếp thị. D. Chia sẻ, học tập, tương tác, tiếp thị

Câu 3. Mạng xã hội nào sau đây cho phép giao lưu với bạn bè:

- A. Youtube. B. Scratch. C. Facebook. D. Messenger.

Câu 4. Thông tin nào sau đây là thông tin không có nội dung xấu?

- A. Thông tin khuyến khích sử dụng chất gây nghiện.
B. Thông tin kích động bạo lực.
C. Thông tin rủ rê đánh bạc kiếm tiền.
D. Thông tin dự báo thời tiết.

Câu 5. Phần mềm nào sau đây thuộc hệ điều hành?

- A. Word. B. Game. C. Windown 10. D. Paint

Câu 6. Ổ cứng thuộc loại thiết bị nào?

- A. Thiết bị vào. B. Thiết bị ra. C. Thiết bị lưu trữ. D. Thiết bị vào/ra.

Câu 7. Tệp nào sau đây thuộc tệp văn bản?

- A. Baitap.docx B. Baitap.html C. Baitap.jpg D. Baitap.exe

Câu 8. Em hãy chọn phương án đúng nói về quan hệ phụ thuộc giữa hệ điều hành và phần mềm ứng dụng?

- A. Phần mềm ứng dụng phụ thuộc vào hệ điều hành.
B. Hệ điều hành phụ thuộc vào phần mềm ứng dụng.
C. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng phụ thuộc nhau theo cả hai chiều.
D. Hệ điều hành và phần mềm ứng dụng độc lập, không phụ thuộc gì nhau.

Câu 9. Để phòng tránh bệnh nghiện Internet, em nên làm gì?

- A. Không sử dụng internet.
B. Tham gia mạng xã hội bất cứ lúc nào có thể.
C. Cân đối thời gian sử dụng internet.
D. Chỉ sử dụng mạng xã hội facebook nhưng không chơi game.

Câu 10. Quy định độ tuổi tối thiểu tham gia mạng xã hội là:

- A. 12. B. 13. C. 14. D. 15.

II/ TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 1. Em hãy nêu cách sao chép 1 tệp sẵn có trên màn hình Desktop vào thư mục trong ổ đĩa D:\ của máy tính? (1 điểm)

Câu 2. Em hãy trình bày cách tạo một tài khoản Facebook mà em đã được học? (2 điểm)

Câu 3. Em hãy cho biết những điều nên và không nên khi tham gia mạng xã hội? (2 điểm)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
(Đáp án và Hướng dẫn chấm gồm 01 trang)

I/ TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (5,0 điểm)
(mỗi câu đúng 0,5đ)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	C	B	D	D	B	C	C	C

II/ TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu	Đáp án	Điểm
1 (1.0đ)	Thao tác sao chép tệp sẵn có trên màn hình Destop vào thư mục trong ổ đĩa :D của máy tính: - Nháy chuột phải vào tệp cần sao chép và chọn Copy. - Nháy chuột phải vào thư mục cần để trong ổ đĩa :D, chọn Paste.	0,5 đ 0,5 đ
2 (2.0đ)	Cách tạo một tài khoản Facebook: - Bước 1: Truy cập trang www.facebook.com - Bước 2: Nháy chuột vào ô Tạo tài khoản mới - Bước 3: Nhập đầy đủ thông tin vào các ô theo hướng dẫn - Bước 4: Nháy chuột vào nút Đăng ký	0.5đ 0.5đ 0.5đ 0.5đ
3 (2.0đ)	- NÊN tận dụng mạng xã hội để kết nối bạn bè, tiếp nhận thông tin và học hỏi kiến thức, kỹ năng hay bày tỏ quan điểm cá nhân,... - KHÔNG NÊN sử dụng mạng xã hội và thông tin vào mục đích sai trái như đăng thông tin giả, thông tin đe dọa, bắt nạt,... gây hậu quả cho người khác hoặc cho chính bản thân mình.	1.0 đ 1.0 đ

(Lưu ý: Mọi cách làm khác nếu đúng thì giáo viên vẫn ghi điểm tối đa theo thang điểm)

Tổng cộng: 10 điểm

Lưu ý: Đối với HS khuyết tật chỉ cần làm được các câu: 1,2,3,4,5,6,7,8

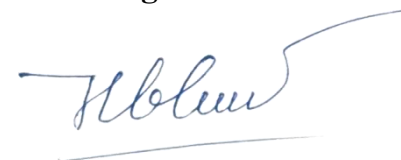
TT (1)	Chương/ chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ nhận thức (4-11)								Tổng % điểm(12)
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	Thiết bị vào- ra	1		1						1.0 điểm (10%)
		Phần mềm máy tính	2		1						1.5 điểm (15%)
		Quản lí dữ liệu trong máy tính					1	1			1.5 điểm (15%)
2	Chủ đề 2. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên Internet	1		2			1			3.5 điểm (35%)
3	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số	Ứng xử trên mạng					1			1	2.5 điểm (25%)
Tổng			4		4		2	2		1	10
Tỉ lệ %			20%		20%		40%		20%		100%
Tỉ lệ chung			40%				60%				100%

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề 1. Máy tính và cộng đồng	1. Thiết bị vào ra	Nhận biết - Biết và nhận ra được các thiết bị vào – ra có nhiều loại, hình dạng khác nhau, Thông hiểu - Hiểu được chức năng của mỗi loại thiết bị này trong thu thập, lưu trữ, xử lý và truyền thông tin.	1TN	1TN		
		2. Phần mềm máy tính	Nhận biết - Phân biệt được hệ điều hành với phần mềm ứng dụng. - Biết nhận dạng các tệp chương trình Thông hiểu - Hiểu về quan hệ phụ thuộc giữa hệ điều hành và phần mềm ứng dụng	2TN	1TN		
		3. Quản lý dữ liệu trong máy tính	Vận dụng - Vận dụng kiến thức để chọn ra phương án Sai - Thao tác tạo, sao chép, di chuyển, đổi tên, xoá tệp và thư mục.			1TN 1 TL	
2	Chủ đề 2. Tổ chức dữ liệu, tìm kiếm và trao đổi thông tin	4. Mạng xã hội và một số kênh trao đổi thông tin trên internet	Nhận biết - Biết được mục đích của mạng xã hội Thông hiểu - Mạng xã hội nào cho phép giao lưu với bạn bè - Quy định độ tuổi tối thiểu tham gia mạng xã hội Vận dụng trình bày cách tạo một tài khoản Facebook mà em đã được học	1TN	2TN	1 TL	

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
3	Chủ đề 3. Đạo đức, pháp luật và văn hóa trong môi trường số	5. Ứng xử trên mạng	Vận dụng - Biết được tác hại của bệnh nghiện Internet, từ đó có ý thức phòng tránh. - Biết được những điều nên và không nên khi tham gia mạng xã hội			1TN	1TL
Tổng							
Tỉ lệ %				20%	20%	40%	20%
Tỉ lệ chung				40%		60%	

Duyệt của trường

Người ra đề



Lưu Thị Bích Hoàng

Họ và tên	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Lớp 7/.....	NĂM HỌC: 2023 - 2024
	Môn: HĐHN (Thời gian: 45phút)

A. TRẮC NGHIỆM(5Đ) Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1: Việc nào không nên làm khi thiết lập mối quan hệ gần gũi, kính trọng thầy cô

- A. lắng nghe hướng dẫn của thầy cô.
- B. Suy nghĩ tích cực về những điều góp ý thẳng thắn của thầy cô.
- C. Làm theo ý của mình.
- D. Tôn trọng, lễ phép với thầy cô.

Câu 2: Việc nào không nên làm khi thiết lập mối quan hệ thân thiện với các bạn mới ?

- A. Tôn trọng, lắng nghe ý kiến của bạn.
- B. Ích kỉ, không biết cảm thông, chia sẻ giúp đỡ bạn.
- C. Sẵn sàng giúp đỡ bạn bè.
- D. Cởi mở, hòa đồng với bạn.

Câu 3: Cách thức vượt qua khó khăn.

- A. Xác định rõ nguyên nhân vì sao.
- B. Xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch.
- C. Hỏi thầy cô, các anh chị lớp trên về phương pháp.
- D. Tất cả các ý trên trên.

Câu 4 : Cách giải tỏa cảm xúc tích cực là:

- A. Tâm sự với bạn bè, người thân.
- B. Chơi môn thể thao mà em yêu thích.
- C. Đi dạo, hít thở sâu.
- D. Tất cả các ý trên .

Câu 5 : Những ý nào sau đây thể hiện tiêu chí “ Lớp học hạnh phúc”.

- A. Tự giác học tập.
- B. Giúp đỡ cùng tiến bộ trong học tập
- C. Tôn trọng bạn bè, thân thiện, cởi mở với bạn bè.
- D. Tất cả các ý trên trên.

Câu 6: Các bước xác định điểm mạnh của bản thân.

- A. Tích cực tham gia các hoạt động trong nhà trường bộc lộ điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
- B. Tự đánh giá dựa trên kết quả học tập
- C. Lắng nghe nhận xét của mọi người xung quanh về mình.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 7: Cách phát triển mối quan hệ hòa đồng với thầy cô.

- A. Cứ để việc ấy thuận theo tự nhiên
- B. Tự làm theo ý của mình.
- C. Theo ý của bạn bè và bố mẹ.
- D. Lắng nghe thầy cô giáo hướng dẫn, dạy bảo.

Câu 8: Trong giờ học, chúng ta cần làm gì để tập trung học tập ?

- A. Bàn bạc trao đổi liên tục với bạn ngồi cùng.
- B. Nghe nhạc bằng tai nghe.
- C. Cô giáo nói cái gì thì ghi ngay cái đó vào vở.
- D. Chú ý quan sát, lắng nghe, không làm việc riêng, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ học tập

Câu 9: Để luôn tự tin trong học tập thì chúng ta cần:

- A. Trên lớp tích cực quan sát, lắng nghe, học hỏi về nhà chịu khó học bài.
- B. Chép hết vào vở về nhà học thuộc.
- C. Đến lớp mượn vở bài tập của các bạn chép đầy đủ.
- D. Xin cô cho ngồi cạnh bạn học giỏi để tiện nhìn bài bạn.

Câu 10. Hình thức nào giới thiệu về truyền thống của trường em.

- A. Tiểu phẩm.
- B. Tranh ảnh.
- C. Tập san
- D. Tất cả các ý trên

B. TỰ LUẬN : (5Đ)

Câu 11 : *Tinh huống* : Trong giờ kiểm tra môn Địa Lý, cả lớp đang tập trung làm bài thì bạn Lan thấy bạn Thanh đang xem tài liệu. Theo em hãy tiếp tục xây dựng nội dung xử lý tình huống này theo cách của em cho là đúng.

Câu 12 : Em hãy nêu cách xác định điểm mạnh, điểm hạn chế của bản thân trong học tập và cuộc sống?

Part 2: Read the passage and choose the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each question (1.pt).

My name is Jane. I'm a student. Here are my tips for healthy living. First of all, you should always get a good night's sleep. At least seven hours of good sleep will give you enough energy for the next day. It's important to get regular daily exercise and you should spend 30 minutes a day. It's also really important to eat healthy food. You should eat lots of fresh fruit and vegetables every day. And stay off that **junk food**. Food which contains a lot of fat or sugar is unhealthy and you shouldn't eat it too much. My mom is a doctor and she's always giving me advice on healthy living and I pass **it** on to my friends at school so that they can stay healthy like me.

19. What is the main idea of the passage?

A. good night's sleep B. daily exercise C. tips for healthy living

20. We should eat _____ a lot every day.

A. junk food B. meat C. fresh fruit and vegetables

21. What does the word "**it**" in line 6 refer to?

A. advice B. meat C. vegetable

22. The word "**junk food**" in line 4 is closest in meaning to _____.

A. healthy food B. fast food C. unhealthy food

III. WRITING (2.5 pts)

Part 1: Identify one mistake in each of the following sentences. (0.5 pt)

23. I buy some fruit, but I don't have many vegetables.

A B C

24. Mai often listens to his favor rock songs.

A B C

Part 2: Rearrange these words/phrases to make meaningful sentences. (1 pt)

25. to /early / Go/ sleep. / and / bed / enough / get

.....

26. hobby / collecting/ My / is / dolls.

.....

Part 3: Finish each of the sentences in such a way that it means the same as the first sentence. (1 pt)

27. He eats a lot of fast food and drinks soda every day.

He shouldn't

28. John plans to do the shopping this weekend.

John likes.....

IV. LISTENING (2pts)

Part 1. Listen and decide whether the statements are TRUE (T) or FALSE (F)1 pt)

29. Linda and her friends taught English and maths

=====

30. Linda and her friend talked to the elderly.

=====

31. Tom and his friends picked up books and paper.

=====

32. Tom and his friends grew some trees.

=====

Part 2: Listen and answer the questions:

33. What do healthy habits help you avoid ?

A. health B. virus C. disease

34. What do fruit and vegetables provide you with ?

A. energy B. vitamins C. sugar

35. How many hours do you need to sleep a day ?

A. 4 hours B. 7 hours C. 8 hours

36. How should you keep your room ?

A. tidy

B. tidy and clean

C. sweep

----- The end -----

ĐÁP ÁN ĐỀ KT GIỮA KÌ I TIẾNG ANH 7

Năm học: 2023 - 2024

I. LANGUAGE COMPONENT: Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	B	C	B	B	C	A	C	C	A	C	B

II, READING: Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ

*** Part 1:**

13. make - 14. some - 15. In - 16. time - 17. interesting - 18. to do

*** Part 2:**

19 A - 20D - 21A - 22 B

III. WRITING:

***Part 1: Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ**

23D - 24C

*** Part 2: Mỗi câu trả lời đúng được 0,5đ**

25. Go to bed early and get enough sleep

26. My hobby is collecting dolls

***Part 3: Mỗi câu trả lời đúng được 0,5đ**

27. You shouldn't eat a lot of fast food and drink soda every day.

28. John likes doing the shopping this weekend.

IV. LISTENING

Part 1: Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ

29T – 30F – 31F – 32T

Part 2: Mỗi câu trả lời đúng được 0,25đ

33C - 34B - 35C – 36B

MATRIX FOR THE MID-TERM TEST (ENGLISH 7)

School year: 2023 -2024

PARTS	No. of Questions	Marks	Task types	Re		Com		Low App		High App	
				TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
LANGUAGE COMPONENT (3,0)	2	0,5	Pronunciation: Indicate the word whose underlined part is pronounced differently from the others.	0,5							
	4	1,0	Vocabulary: Circle the best option	0,5		0,5					
	6	1,5	Grammar: Circle the best option	0,5				1,0			
READING (2,5)	6	1,5	Read the text and choose the best answer	1,0		0,5					
	4	1,0	Read the text and circle the best answer:			0,5		0,5			
WRITING (2,5)	2	0,5	(Error identification) Circle A, B, C or D which is not correct in standard English	0,5							
	2	1,0	(Sentence transformation) Rearrange these words/phrases to make meaningful sentences				0,5		0,5		
	2	1,0	(Sentence building) Write complete sentences from the words given.								1,0

LISTENING (2,0)	4	1,0	- Listen and tick	1,0							
	4	1,0	- Listen and circle the best answer			1,0					
TOTAL(10,0)	36	10.0		4,0	3,0	2,0	1,0				

SPECIFICATION FOR THE MID- TERM TEST (ENGLISH 7)

School year: 2023 -2024

PARTS	CONTENTS	No. of Ques	Mark	Task types	Re		Com		Low App		High App	
					TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
LANGUAGE COMPONENT (2,5)	Pronunciation: -Q1: sounds/ / & / / ; -Q 2: sounds /id/, / d/	2	0.5	Indicate the word whose underlined part is pronounced differently form the others	0,5							
	Vocabulary: -Q3: 1 word about buses -Q4: 1 word about candy apples - Q6: 1 word about feast - Q8: 1 word about display	4	1	Circle the best option	0,5		0,5					
	Grammar points: -Q5: 1 sentence about verb -Q7: 1 sentence about simple present -Q9: 1 sentence connection -Q10: 1 sentence about modal verb	4	1	Circle the best option	0,5				0,5			
READING (2,5)	-Q13: 1 word about a <u>Verb</u>	6	1,5	Read the text about hobby and fill in the blank	1		0,5					

	-Q14: 1 word about pronoun of quantity -Q15: 1 word about <u>a preposition</u> -Q16: 1 word about <u>a noun</u>											
	-Q17: 1 word about an <u>adjective</u> -Q18: 1 word about a <u>to-inf</u>											
	-Q19: Choose the best answer -Q20: Choose the best answer -Q21: Choose the best answer -Q22: Choose the best answer	4	1,0	Read the text about a healthy living and circle the best answer:		0,5		0,5				
WRITING (2,5)	-Q23: 1 sentence about pronoun of quantity -Q24: 1 sentence about adj	2	0,5	(Error identification) Circle A, B, C or D which is not correct in standard English	0,5							
	-Q25: -1 sentence about connective -Q26: 1 sentence about V-ing	2	1,0	Rearrange the sentences so as its meaning keeps unchanged			0,5		0,5			

	-Q27: 1 sentence about advice -Q28: 1 sentence about V- ing	2	1,0	(Sentence building) Write complete sentences from the words given.							1,0
LISTENING (2,0)	-Q29-32: T/F statement	4	1.0	- Listen to a Dialogue about community activities and tick T/F	1.0						
	-Q33-36: Choose the best answer.	4	1.0	- Listen to dial about healthy babits and circle the best answer			1,0				
TOTAL(10,0)		36	10.0		4,0	3,0	2,0	1,0			